

Số: 22 /NQ-HĐND

Châu Thành, ngày 15 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH
KHOÁ XII - KỲ HỌP THỨ CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Xét Tờ trình số 231/TTr-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2023 và Tờ trình số 262/TTr-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Huyện; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân Huyện; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, với nội dung tóm tắt như sau: (có Phụ lục I kèm theo)

Triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 trong bối cảnh khó khăn, thách thức, các nhân tố ảnh hưởng biến động khó lường. Trong bối cảnh này, dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, sự ủng hộ của Hội đồng nhân dân Huyện, sự vào cuộc quyết tâm, quyết liệt và đồng bộ của cả hệ thống chính trị đã thúc đẩy các ngành, lĩnh vực duy trì phát triển, từng bước ổn định, kết quả ước thực hiện đạt và vượt 19/19 chỉ tiêu chủ yếu, cơ bản hoàn thành nhiệm vụ của Nghị quyết Hội đồng nhân dân Huyện đã đề ra.

Tình kinh tế - xã hội năm 2023 phát triển khá so với cùng kỳ năm 2022; tình hình sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển ổn định, tiêu thụ được bảo đảm, lưu thông thuận lợi; Chuyển đổi số ngành nông nghiệp được triển khai tạo bước tiến tích cực, làm cơ sở từng bước tích hợp vào nền tảng dữ liệu số lĩnh vực nông nghiệp, xây dựng mã vùng trồng, truy xuất nguồn gốc; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được chủ động tập trung thực hiện, 11/11 xã tiếp tục duy trì và nâng chất các tiêu chí xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao; có thêm xã An Nhơn được công nhận xã nông thôn mới nâng cao; xây dựng Huyện nông thôn mới, xã Tân Bình đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2023 đảm bảo theo tiến độ.

Tác động của chính sách, giải pháp phục hồi kinh tế - xã hội ngày càng mạnh mẽ, thúc đẩy các ngành, lĩnh vực phục hồi và tăng trưởng. An sinh xã hội được bảo đảm, số người có việc làm tăng lên góp phần ổn định xã hội, củng cố niềm tin trong nhân dân và doanh nghiệp. Môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi; việc triển khai kịp thời các chính sách hỗ trợ lãi suất tín dụng, miễn giảm thuế từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội đã giúp cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh chuyển biến tích cực, khởi sắc. Thực hiện các chỉ tiêu văn hoá, xã hội, môi trường đạt kết quả tốt, tổ chức thành công các sự kiện, ngày hội nông sản giúp hoạt động liên kết, xúc tiến thương mại phát triển, góp phần quảng bá hình ảnh địa phương. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội tiếp tục được giữ vững và ổn định, tạo thuận lợi đầu tư phát triển.

Bên cạnh những kết quả đạt được, tình hình kinh tế - xã hội vẫn còn một số khó khăn, hạn chế như: việc ứng dụng khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp còn hạn chế, chi phí giá thành đầu vào trong sản xuất vẫn còn ở mức cao; một số hợp tác xã chưa thể hiện được vai trò chủ thể trong liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng ồ ạt, thiếu cân đối trong cơ cấu ngành nông nghiệp, không theo định hướng, khuyến cáo tiềm ẩn nguy cơ cung vượt quá cầu, dư thừa, giá thấp, chất lượng nông sản chưa đồng đều; ngành du lịch phục hồi còn chậm, chưa có nhiều sản phẩm thu hút khách du lịch; một số dự án, công trình đầu tư công còn chậm tiến độ, kéo dài; công tác giải phóng mặt bằng hiện nay gặp nhiều khó khăn.

Điều 2. Thống nhất Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, với những nội dung chủ yếu như sau: *(Phụ lục II kèm theo)*.

1. Mục tiêu tổng quát

Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, cải cách hành chính, xây dựng môi trường kinh doanh bình đẳng, thuận lợi cho các thành phần kinh tế phục hồi và phát triển. Phát huy tối đa mọi nguồn lực, nhất là nguồn lực nội tại cho đầu tư phát triển bền vững trên nền tảng tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, chuyển đổi số, đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài. Chú trọng các vấn đề phát triển vùng và chủ động liên kết vùng. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, thúc đẩy chuyển đổi số trên các lĩnh vực. Thúc đẩy chuyển dịch lao động, bảo vệ môi trường, nâng cao khả năng thích ứng biến đổi khí hậu, chăm sóc sức khỏe, nâng cao đời sống văn hoá, tinh thần cho Nhân dân. Bảo đảm quốc phòng, giữ vững an ninh, chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 có **20** chỉ tiêu chủ yếu, bao gồm: **06** chỉ tiêu về kinh tế, **11** chỉ tiêu về văn hoá - xã hội và **03** chỉ tiêu về môi trường, cụ thể:

a) Về kinh tế

- Thu nhập bình quân trên đầu người là 62 triệu đồng/người/năm.
- Tổng sản lượng lúa cả năm đạt 168.900 tấn.
- Tổng sản lượng trái cây các loại đạt 145.000 tấn.
- Tổng sản lượng cá tra đạt 45.000 tấn.
- Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn đạt 285 triệu đồng.
- Tỷ lệ đô thị hóa là 10,95%.

b) Về văn hóa - xã hội

- Tỷ lệ người tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên chiếm 40% dân số.
- Tỷ lệ gia đình đạt chuẩn văn hoá 90%.
- Tỷ lệ trẻ em < 5 tuổi bị suy dinh dưỡng: $\leq 12\%$.
- Số giường bệnh/vạn dân: ≥ 10
- Số bác sĩ/vạn dân: ≥ 4 .
- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế toàn dân: $\geq 95\%$.
- Giải quyết việc làm cho 3.000 lao động; trong đó: lao động đi làm việc ở nước ngoài đạt chỉ tiêu UBND Tỉnh giao.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo: 78,57%; trong đó: tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề: 60,25%.
- Tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2024 giảm 0,1 %.
- Đến cuối năm 2024 có 19 Hợp tác xã hoạt động hiệu quả, đảm bảo theo Luật Hợp tác xã hiện hành.
- Nông thôn mới năm 2024: giữ vững và nâng chất các tiêu chí xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao; xây dựng xã An Phú Thuận đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao; xã Tân Nhuận Đông, xã An Nhơn đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu; huyện Châu Thành giữ vững và nâng chất tiêu chí Huyện nông thôn mới.

c). Về Môi trường

- Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đạt 96%.
- Tỷ lệ rác thải sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý đạt 99%.
- Tỷ lệ rác thải y tế được thu gom và xử lý 100%.

3. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

- Thực hiện hiệu quả Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.
- Triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp tổng thể tái cơ cấu ngành nông nghiệp, trong đó, tập trung thực hiện các ngành hàng chủ lực (*lúa gạo, cây ăn trái, khoai lang, cá tra, con heo,...*) và chuyển đổi số ngành nông nghiệp. Tiếp tục duy trì và nâng chất tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, Huyện nông thôn mới.

- Thực hiện hiệu quả tái cơ cấu ngành công nghiệp, phát huy vai trò công nghiệp chế biến tạo động lực tăng trưởng gắn với nguồn nguyên liệu của địa phương. Thúc đẩy phát triển thương mại - dịch vụ; khôi phục và nâng cao chất lượng du lịch gắn với tạo dựng hình ảnh địa phương.

- Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế hợp tác. Huy động nguồn lực xã hội đầu tư phát triển, phát triển đô thị.

- Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo. Phát triển văn hoá, xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, gắn kết hài hoà với phát triển kinh tế.

- Quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai; thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, tăng trưởng xanh.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tăng cường phòng, chống tội phạm tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và giải quyết khiếu nại, tố cáo; đẩy mạnh thông tin tuyên truyền, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội.

- Củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh; bảo đảm an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Huyện triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, hai Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân Huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành khoá XII, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND Tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND Huyện;
- UBND Huyện;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT - XH Huyện;
- Đại biểu HĐND Huyện;
- Các phòng, ban, ngành Huyện;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Các chuyên viên nghiên cứu;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Lê Thị Phi Yến



Phụ lục I

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2023**
(kèm theo Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 15/12/2023 của HĐND Huyện)

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH	KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2023	TỶ LỆ %
I	VỀ KINH TẾ				
1	Sản lượng lúa	tấn/năm	176.000	181.078	102,8%
2	Sản lượng trái cây các loại	tấn/năm	145.000	145.530	100,3%
3	Sản lượng cá tra	tấn/năm	50.000	50.109	100,22%
4	Thu ngân sách trên địa bàn Huyện	triệu đồng	179.650	179.817	100,09%
5	Tỷ lệ đô thị hóa	%	10,81	10,81	100%
II	VỀ VĂN HÓA - XÃ HỘI				
6	Tỷ lệ người tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên	%	40	40,6	101,5%
7	Tỷ lệ gia đình đạt chuẩn văn hóa	%	90	98,29	109,21%
8	Số giường bệnh/ vạn dân	giường	9,8	10,2	104%
9	Số bác sĩ/vạn dân (kể cả bác sĩ đã nghỉ hưu, bác sĩ có phòng khám trên địa bàn)	Bác sĩ	≥ 4	4,08	102
10	Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi	%	< 13	11,84	109%
11	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	≥ 95	96,12	101%
12	Giải quyết việc làm	Lao động	3.130	3.400	108,6%

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH	KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2023	TỶ LỆ %
	<i>Trong đó, lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng</i>	Lao động	130	130	100%
13	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	70,14	77,28	110,18%
	<i>Trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề</i>	%	50,97	59,55	116,83%
14	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%/năm	0,1%	0,1	100%
15	Thành lập mới hợp tác xã	HTX	02	3	150%
16	Nông thôn mới				
16.1	<i>Giữ vững và nâng chất các xã đạt tiêu chí xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao</i>	xã	11	11	100%
16.2	<i>Xã Tân Bình đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao</i>		Đạt	Đạt	Đạt
16.3	<i>Huyện Châu Thành hoàn thành các hồ sơ, thủ tục xây dựng huyện nông thôn mới gửi về cấp trên xem xét, công nhận năm 2023</i>		Đạt	Đạt	Đạt
III	VỀ MÔI TRƯỜNG				
17	Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	%	93,9	93,9	100%
18	Tỷ lệ rác thải sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý	%	98,5	98,5	100%
19	Tỷ lệ rác thải y tế được thu gom và xử lý	%	100	100	100%



Phụ lục II

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2024

(kèm theo Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 15/12/2023 của HĐND Huyện)

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH
I	VỀ KINH TẾ		
1	Thu nhập bình quân trên đầu người	Triệu đồng/năm	62,00
2	Sản lượng lúa	tấn/năm	168.900
3	Sản lượng trái cây các loại	tấn/năm	145.000
4	Sản lượng cá tra	tấn/năm	45.000
5	Thu ngân sách trên địa bàn Huyện	triệu đồng	285.000
6	Tỷ lệ đô thị hóa	%	10,95
II	VỀ VĂN HÓA - XÃ HỘI		
7	Tỷ lệ người tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên	%	40
8	Tỷ lệ gia đình đạt chuẩn văn hóa	%	90
9	Số giường bệnh/vạn dân	giường	≥ 10
10	Số bác sĩ/vạn dân (kể cả bác sĩ đã nghỉ hưu, bác sĩ có phòng khám trên địa bàn)	Bác sĩ	≥ 4
11	Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi	%	≤ 12
12	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	≥ 95
13	Giải quyết việc làm	Lao động	3.000
	<i>Trong đó, lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đạt theo chỉ tiêu Tỉnh giao</i>	Lao động	Đạt
14	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	78,57
	<i>Trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề</i>	%	60,25
15	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%/năm	0,1
16	Đến cuối năm 2024 có 19 Hợp tác xã hoạt động hiệu quả, đảm bảo theo Luật Hợp tác xã hiện hành	HTX	Đạt
17	Nông thôn mới		

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH
17.1	<i>Giữ vững và nâng chất các tiêu chí xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao</i>	xã	11
17.2	<i>Xã An Phú thuận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao</i>	xã	Đạt
17.3	<i>Xã An Nhơn, xã Tân Nhuận Đông đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu</i>	xã	Đạt
17.4	<i>Huyện Châu Thành giữ vững và nâng chất tiêu chí Huyện nông thôn mới.</i>		Đạt
III	VỀ MÔI TRƯỜNG		
18	Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	%	96
19	Tỷ lệ rác thải sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý	%	99
20	Tỷ lệ rác thải y tế được thu gom và xử lý	%	100